

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Hướng dẫn xem xét xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân trong công tác quản lý an toàn lao động của Tổng công ty Điện lực miền Bắc

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Căn cứ Quyết định số 0789/QĐ-BCT ngày 05/02/2010 của Bộ công thương về việc thành lập công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực miền Bắc;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-EVN ngày 15/7/2019 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực miền Bắc;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐTV ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc thông qua Hướng dẫn xem xét xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân trong công tác quản lý an toàn lao động của Tổng công ty Điện lực miền Bắc;

Theo đề nghị của Ông Trưởng Ban Tổ chức & Nhân sự, Trưởng Ban An toàn, Trưởng ban Pháp chế Tổng công ty Điện lực miền Bắc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “**Hướng dẫn xem xét xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân trong công tác quản lý an toàn lao động của Tổng công ty Điện lực miền Bắc**”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) trong Ban Tổng giám đốc, Trưởng các Ban thuộc Hội đồng thành viên EVNNPC, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chuyên môn nghiệp vụ EVNNPC, Giám đốc các đơn vị thành viên căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT HĐTV (để b/c);
- KSVCT;
- Lưu: VT, TCNS, PC, AT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Thiện

MỤC LỤC

	Tên mục lục	Trang
I	HƯỚNG DẪN CHUNG	3
1	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
2	Giải thích từ ngữ và viết tắt	3
3	Tài liệu viện dẫn	5
4	Nguyên tắc xem xét xử lý trách nhiệm cá nhân trong công tác quản lý an toàn lao động	7
II	XEM XÉT XỬ LÝ TRÁCH CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC AN TOÀN LAO ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC	7
1	Các vi phạm về công tác ATLĐ, QLKT-VH có liên quan đến ATLĐ	7
2	Xem xét xử lý vi phạm trong công tác quản lý ATLĐ	10
3	Trách nhiệm của người lao động (Nhân viên ĐVCT, NTHL, Nhân viên thao tác...)	12
4	Xác định trách nhiệm của Người chỉ huy trực tiếp	13
5	Xác định trách nhiệm của Người lãnh đạo công việc	15
6	Xác định trách nhiệm của Người cho phép	15
7	Xác định trách nhiệm của Người giám sát an toàn điện, Người cảnh giới	16
8	Xác định trách nhiệm của Người cấp PCT, LCT	17
9	Xác định trách nhiệm của CBATCT và CBATBCT	17
10	Xác định trách nhiệm của lãnh đạo, chỉ huy đơn vị trực thuộc Điện lực (và tương đương):	19
11	Xác định trách nhiệm của những người chỉ huy vận hành (Điều độ viên, Trưởng kíp ĐKX, Trực vận hành)	20
12	Xác định trách nhiệm của Giám đốc, Phó giám đốc Điện lực hoặc tương đương	20
13	Xác định trách nhiệm cá nhân tại các Phòng/Ban chuyên môn Đơn vị	22
14	Xác định trách nhiệm cá nhân của Ban lãnh đạo Đơn vị	24
15	Xác định trách nhiệm cá nhân tại các Ban chuyên môn Tổng công ty theo chức năng nhiệm vụ	25
16	Xác định những trường hợp xử lý đặc biệt	27
III	TỔ CHỨC THỰC HIỆN	27
1	Trách nhiệm thi hành	27
2	Hiệu lực thi hành	27

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

a) Phạm vi điều chỉnh: Hướng dẫn này hướng dẫn xem xét xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân trong công tác quản lý an toàn lao động của Tổng công ty Điện lực miền Bắc.

b) Đối tượng áp dụng: Hướng dẫn này áp dụng đối với:

- Tổng công ty Điện lực miền Bắc;
- Các đơn vị thành viên;
- Tổ chức và cá nhân có liên quan trong Tổng công ty Điện lực miền Bắc.

2. Giải thích từ ngữ và viết tắt

2.1. Giải thích từ ngữ

- **Đơn vị:** Các đơn vị trực thuộc, các Công ty con do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- **Đơn vị cơ sở:** Điện lực, Xí nghiệp, Đội Quản lý vận hành Lưới điện cao thế, Đội hotline, Phân xưởng, Trung tâm hoặc tương đương... trực thuộc đơn vị (sau đây gọi tắt là cấp Điện lực).

- **Công tác:** Là quá trình trực tiếp thực hiện các công việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, xây lắp, đấu nối, đưa thiết bị mới vào vận hành... trên hệ thống điện.

- **Đơn vị công tác:** Là đơn vị thực hiện công việc sửa chữa, thí nghiệm, kiểm định, xây lắp, kinh doanh và các công việc khác liên quan đến công trình điện lực (bao gồm từ cấp tổ, đội, phân xưởng, chi nhánh, khu vực đến cấp Công ty, Trung tâm).

- **Đơn vị thi công:** Là đơn vị có quyền và trách nhiệm cử ra đơn vị công tác để thực hiện công việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, xây lắp, đấu nối....

- **Đơn vị quản lý vận hành:** Là đơn vị trực tiếp thực hiện công việc quản lý, vận hành công trình điện lực (bao gồm từ cấp tổ, đội, phân xưởng, chi nhánh, khu vực đến cấp Công ty, Trung tâm).

- **Người lãnh đạo công việc:** Là người chỉ đạo chung khi công việc do nhiều đơn vị công tác của cùng một tổ chức hoạt động điện lực thực hiện.

- **Người chỉ huy trực tiếp:** Là người có trách nhiệm phân công công việc, chỉ huy và giám sát nhân viên đơn vị công tác trong suốt quá trình thực hiện công việc.

- **Người cấp phiếu công tác / Lệnh công tác:** Là người viết phiếu công tác/ lệnh công tác cho Đơn vị công tác và phải nắm rõ nội dung công việc, các điều kiện để đảm bảo an toàn về điện khi tiến hành công việc.

- **Người cho phép:** Là người thực hiện thủ tục cho phép đơn vị công tác vào làm

việc khi hiện trường công tác đã đảm bảo an toàn về điện.

- **Người giám sát an toàn điện:** Là người có kiến thức về an toàn điện, được huấn luyện, chỉ định và thực hiện việc giám sát an toàn điện cho đơn vị công tác.

- **Người thi hành lệnh:** Là người thực hiện công việc một mình theo lệnh công tác.

- **Người cảnh giới:** Là người được chỉ định và thực hiện việc theo dõi và cảnh báo an toàn liên quan đến nơi làm việc đối với cộng đồng.

- **Nhân viên đơn vị công tác:** là người của Đơn vị công tác trực tiếp thực hiện công việc do Người chỉ huy trực tiếp phân công.

- **Nhân viên vận hành:** là người tham gia trực tiếp điều khiển quá trình sản xuất điện, truyền tải điện và phân phối điện, làm việc theo chế độ ca, kíp.

2.2. Từ viết tắt:

Trong hướng dẫn này trừ khi có sự giải thích đi kèm theo các từ, cụm từ, các thuật ngữ, chữ viết tắt được hiểu thống nhất như sau:

- EVN/ EVNNPC/PC/ĐL: Tập đoàn Điện lực Việt Nam/Tổng Công ty Điện lực miền Bắc/Công ty Điện lực/Điện lực.

- NPCETC/TTTND: Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc/Trung tâm thí nghiệm điện.

- NPSC/XNDVĐL: Công ty Dịch vụ Điện lực miền Bắc/Xí nghiệp dịch vụ Điện lực.

- NEPC: Trường Cao đẳng Điện lực miền Bắc.

- BA1/BA2/BA3: Ban quản lý dự án lưới điện/Ban quản lý dự án phát triển điện lực/Ban quản lý dự án xây dựng điện miền Bắc.

- CBCNV: Cán bộ công nhân viên.

- PTBVCN: Phương tiện bảo vệ cá nhân.

- AT-VSLĐ/TNLĐ: An toàn lao động, vệ sinh lao động/ Tai nạn lao động.

- PCCC & CNCH/PCTT & TKCN: Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ/Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- QLKT-VH: Quản lý kỹ thuật vận hành.

- PATCTC: Phương án tổ chức thi công.

- ĐVLCV/ĐVCS/ĐVCT/ĐVTC: Đơn vị làm công việc/Đơn vị cơ sở/Đơn vị công tác/Đơn vị thi công.

- KTAT/BPAT/BPKTAT: Kỹ thuật an toàn/Biện pháp an toàn/ Biện pháp kỹ thuật an toàn.

- DCLV/DCAT: Dụng cụ làm việc/Dụng cụ an toàn.

- BBKSHT: Biên bản khảo sát hiện trường.

- GDKCT/GĐKCĐ: Giấy đăng ký công tác/Giấy đăng ký cắt điện.

- NLĐCV/NCHTT/NGSATĐ/NCP/NTHL/NCG: Người lãnh đạo công việc/Người chỉ huy trực tiếp/Người giám sát an toàn điện/Người cho phép/Người thi hành lệnh/Người cảnh giới.

- PCT/LCT/PTT/LTT/PTTHA: Phiếu công tác/Lệnh công tác/Phiếu thao tác/Lệnh thao tác/Phiếu thao tác hạ áp.

- KTKS/ECP: Kiểm tra kiểm soát/Phần mềm kiểm tra kiểm soát an toàn lao động bằng hình ảnh.

- LĐCT: Lưới điện cao thế.

- ĐVTT /TTLĐ/NGSTT/NTT: Đơn vị thao tác/ /Thao tác lưu động/Người giám sát thao tác/Người thao tác.

- QTATĐ/QTATTCNH: Quy trình an toàn điện/Quy trình an toàn thủy, cơ, nhiệt, hóa.

- QTXLSCHTĐQG: Quy trình xử lý sự cố hệ thống điện Quốc gia.

- QTĐĐHTĐQG: Quy trình điều độ hệ thống điện Quốc gia.

- QTTTHTĐQG: Quy trình thao tác hệ thống điện Quốc gia.

- QLVH/ĐVQLVH/NKVH: Quản lý vận hành/Đơn vị Quản lý vận hành/Nhật ký vận hành.

- TTĐK/ĐKX/KNT: Trung tâm điều khiển/Điều khiển xa/Không người trực.

- ĐĐV/TVH: Điều độ viên/Trực vận hành Điện lực.

- CBAT/CBATCT/CBATBCT: Cán bộ an toàn/Cán bộ an toàn chuyên trách/Cán bộ an toàn bán chuyên trách.

3. Tài liệu viện dẫn:

3.1. Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14;

3.2. Luật an toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13;

3.3. Luật Điện lực số 28/2004/QH11, Luật số 24/2012/QH13 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và Văn bản pháp luật số 03/VBHN-VPQH ngày 29/6/2018

3.4. Luật Xây dựng số 50/2014, và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng

3.5. Nghị định số: 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật AT-VSLĐ về bảo hiểm TNLĐ và bệnh nghề nghiệp.;

3.6. Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

3.7. Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3.8. Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động;

3.9. Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 Quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

3.10. Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về An toàn điện;

3.11. Nghị định số: 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

3.12. Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/05/2016 Quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh;

3.13. Thông tư số: 05/TT-BCT ngày 02/8/2021 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

3.14. Thông tư số 39/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn điện;

3.15. Quy định công tác an toàn trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-EVN ngày 09/9/2021 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

3.16. Quy trình điều tra sự cố ban hành kèm theo quyết định số: 736/QĐ-EVN ngày 09/6/2021 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

3.17. Quy trình An toàn điện ban hành kèm theo Quyết định số 959/QĐ-EVN ngày 26/7/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

3.18. Quy trình An toàn thủy, cơ, nhiệt, hóa ban hành kèm theo Quyết định số 881/QĐ-EVN ngày 15/7/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

3.19. Nội quy lao động của Tổng công ty Điện lực miền Bắc ban hành kèm theo Quyết định số 2062/QĐ-EVNNPC ngày 11/8/2020 của Tổng giám đốc EVNNPC;

3.20. Quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Cán bộ an toàn chuyên trách, Cán bộ an toàn bán chuyên trách tại các đơn vị, đơn vị cơ sở trong Tổng công ty Điện lực miền Bắc ban hành kèm theo Quyết định số 780/QĐ- EVNNPC ngày 26/3/2019 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực miền Bắc; và Quyết định 1814/QĐ- EVNNPC ngày 26/6/2019 V/v Sửa đổi, bổ sung Quyết định 780/QĐ- EVNNPC.

3.21. Quy định về tổ chức và hoạt động của Điện lực trong Tổng Công ty Điện lực miền Bắc ban hành kèm theo Quyết định số 268/QĐ-HĐTV ngày 29/10/2020 của Chủ tịch HĐTV EVNNPC.

3.22. Quy định hệ thống chức danh công việc cấp Điện lực trong EVNNPC ban hành kèm theo Quyết định số 100/QĐ- EVNNPC ngày 19/01/2021 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực miền Bắc.

3.23. Quy trình về công tác Quản lý HLBVATLĐCA trong Tổng công ty Điện lực miền Bắc ban hành kèm theo Quyết định số: 3423/QĐ- EVNNPC ngày 01/11/2016 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực miền Bắc.

3.24. Và các Văn bản Quy phạm pháp luật, quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, quy định của Tổng công ty Điện lực miền Bắc khác có liên quan.

4. Nguyên tắc xem xét xử lý trách nhiệm cá nhân trong công tác quản lý an toàn lao động

Việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân trong công tác quản lý an toàn lao động của Tổng công ty Điện lực miền Bắc được thực hiện trên cơ sở tuân thủ nghiêm quy định của pháp luật, Quy chế công tác cán bộ của EVN, “Nội quy lao động” và Quy định thực hiện công tác cán bộ hiện hành của Tổng công ty Điện lực miền Bắc.

II. XEM XÉT XỬ LÝ TRÁCH CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC AN TOÀN LAO ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

1. Các vi phạm về công tác ATLĐ, QLKT-VH có liên quan đến ATLĐ

1.1. Vi phạm trong công tác quản lý ATLĐ (biện pháp tổ chức để đảm bảo ATLĐ):

a. Không lập/ lập nhưng không đạt yêu cầu hoặc lập nhưng không tổ chức thực hiện đúng Kế hoạch AT - VSLĐ (6 nội dung).

b. Không tổ chức kiểm tra/kiểm tra không đảm bảo chất lượng công tác AT - VSLĐ, gồm các hình thức kiểm tra:

- Kiểm tra định kỳ, chuyên đề, đột xuất theo quy định tại Thông tư 07/TT-BLĐTBXH.

- KTKS an toàn đầu giờ làm việc hàng ngày, KTKS trước khi ra hiện trường.

- Kiểm tra đột xuất hiện trường/ đơn vị cơ sở, kiểm tra khi nhận được tin báo có vi phạm AT-VSLĐ.

- KTKS an toàn lao động trên ECP.

c. Không tổ chức nhận diện, đánh giá rủi ro tại nơi làm việc và các vị trí trên lưới điện.

d. Không biên soạn, ban hành hoặc biên soạn, phê duyệt các quy định, quy trình, nội quy về AT-VSLĐ, PCCN...không phù hợp với các quy định của Nhà nước, của Tập đoàn và Tổng công ty, bao gồm:

- Các Quy trình vận hành, sửa chữa, thao tác, xử lý sự cố thiết bị, đường dây.

- Quy trình (trình tự) kỹ thuật các bước thực hiện công việc trong thi công công trình. Đặc biệt đối với các công việc Hotline, vệ sinh cách điện bằng nước áp lực cao không cắt điện, sửa chữa lưới điện hạ áp đang mang điện ...

- Các quy định, quy trình khác có liên quan.

e. Không triển khai giải quyết các kiến nghị về ATLĐ của cấp trên và các cơ quan hữu quan (thuộc các ngành LĐTĐ, Công Thương, Môi trường...) cũng như kiến nghị của mạng lưới ATVSV, người lao động tại đơn vị, cơ sở. Không kịp thời giải đáp những khó khăn, vướng mắc, khắc phục tồn tại trong việc thực hiện công tác ATLĐ của các đơn vị.

f. Không kiểm tra, kiểm soát và phối hợp không đồng bộ giữa các bộ phận kỹ thuật, vận hành, an toàn khi thực hiện các biện pháp an toàn trên lưới.

g. Cập nhật các sổ sách theo dõi về AT, VSLĐ, sổ nhật ký vận hành, mệnh lệnh sản xuất, ghi thông số vận hành tại tổ, tại trạm không đầy đủ và đúng quy định.

h. Vi phạm chế độ cấp, lập, ghi, kiểm soát, lưu PCT, LCT, PTT và báo cáo ECP.

i. Không khảo sát hiện trường, không lập PA TCTC & BPAT hoặc PA nhanh (đối với các công việc phải lập PA TCTC&BPAT) vẫn cấp PCT cho ĐVCT làm việc.

k. Không phổ biến PATCTC&BPAT theo quy định.

l. Phân công thực hiện công việc mà không cấp PCT hoặc LCT.

m. KSHT, lập/duyệt PATCTC&BPAT BPAT không đúng với thực tế hiện trường công tác, không đảm bảo chất lượng (không đầy đủ, không chi tiết, không đảm bảo an toàn cho ĐVCT theo quy trình, quy định).

n. Không có quy định, hướng dẫn: sử dụng, bảo quản máy, phương tiện thiết bị có YCNN về ATLĐ theo các danh mục quy định của nhà nước;

o. Không thực hiện thí nghiệm, kiểm định CCDC an toàn, thiết bị, dụng cụ PCCC, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ đúng quy định.

p. Không tổ chức huấn luyện, kiểm tra (sát hạch) AT-VSLĐ cho người lao động theo quy định của Nhà nước; huấn luyện, kiểm tra (sát hạch) theo các chức danh làm việc cho CBCNV (như: QTATĐ, QTATTCNH, Quy trình vận hành đường dây và Trạm biến áp, Quy trình điều độ, thao tác, xử lý sự cố hệ thống điện, các quy định khác có liên quan) theo đúng quy định hoặc huấn luyện không đảm bảo chất lượng.

q. Không tổ chức phổ biến, thông báo rút kinh nghiệm sau các vụ TNLĐ trong Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty.

r. Tự ý thay đổi công năng sử dụng của trang thiết bị, công cụ dụng cụ dẫn tới mất an toàn lao động.

s. Các vi phạm khác liên quan công tác quản lý ATLĐ.

1.2. Vi phạm trong công tác QLKT-VH liên quan ATLĐ:

- a. Không cập nhật kịp thời sơ đồ vận hành lưới điện; số thiết bị/vị trí khi có thay đổi dẫn tới trên sơ đồ và thực tế khác nhau.
- b. Thay đổi sơ đồ kết lưới, phương thức vận hành không được cập nhật, chưa đánh số đường dây, đặt tên thiết bị không đúng.
- c. Thiết bị đường dây mới, thiết bị bổ sung, thay thế đưa vào vận hành không được nghiệm thu, cập nhật hồ sơ QLKT - VH, không phổ biến quy trình vận hành, diễn tập xử lý sự cố.
- d. Vận hành lưới điện không đúng quy trình/quy định: Ra lệnh đóng điện (hoặc cho phép đóng điện) khi còn đơn vị công tác đang làm việc trên lưới điện. Cho phép đóng/cắt điện mà không có PTT (trừ các trường hợp sự cố, tai nạn).
- e. Không thực hiện công tác kiểm tra, thí nghiệm thiết bị, đường dây và Trạm biến áp theo đúng quy định gây mất an toàn.
- f. Không chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra phát hiện các khiếm khuyết của thiết bị, vi phạm hành lang an toàn lưới điện cao áp, vi phạm an toàn công trình điện. Tồn tại, khiếm khuyết (các vị trí nguy hiểm, mất an toàn) tại thiết bị, trên đường dây và Trạm biến áp không được cập nhật, theo dõi, đưa vào kế hoạch sửa chữa.
- g. Không tổ chức hoặc tham gia điều tra, phân tích nguyên nhân sự cố; không thực hiện các biện pháp ngăn ngừa để sự cố không tái diễn.
- h. Không thực hiện huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ và kiểm tra, sát hạch quy trình, quy định về QLKT-VH cho nhân viên vận hành, sửa chữa, thí nghiệm và cán bộ quản lý theo quy định.
- i. Không biên soạn đủ các quy trình vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, xử lý sự cố thiết bị, đường dây. Không quy định cụ thể, rõ ràng chức năng nhiệm vụ của nhân viên vận hành và các bộ phận, đơn vị có liên quan.
- k. Các tồn tại trong công tác QLKT-VH khác liên quan đến ATLĐ.

1.3. Vi phạm liên quan thực hiện BPKTAT tại hiện trường:

- a. Thực hiện công việc tại hiện trường mà không có PCT, LCT. Thao tác mà không có PTT, LTT.
- b. Thực hiện thi công tại hiện trường không đúng theo thiết kế kỹ thuật, trình tự kỹ thuật trong PA TCTC và BPAT.
- c. Vi phạm chế độ PCT, LCT, PTT tại hiện trường: Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các BPKTAT điện chuẩn bị nơi làm việc (cắt điện, thử hết điện đất tiếp địa, rào chắn, treo biển...), không thực hiện các BPKTAT cơ học (chống ngã cao, đỡ tời...).
- d. Không thực hiện sử dụng (mang) đúng, đủ PTBVVN, DCLV, trang thiết bị DCAT, phù hiệu, thẻ ATLĐ, thẻ ATĐ (các trường hợp cần thẻ).
- e. Vi phạm quy định về kiểm tra, tiếp nhận, cho phép làm việc tại hiện trường:

- Chưa thực hiện đúng, đủ các thủ tục cho phép vào làm việc mà đã cho nhân viên ĐVCT vào thực hiện công việc.

- Không kiểm tra việc thực hiện đầy đủ các BPKTAT điện thuộc trách nhiệm của mình, để chuẩn bị chỗ làm việc và đảm bảo an toàn khi làm việc cho ĐVCT.

f. Vi phạm quy định về giám sát an toàn trong thời gian công tác:

- Không thực hiện đầy đủ trách nhiệm giám sát an toàn chung và GSATĐ theo QTATĐ.

- Không cử người lãnh đạo công việc và người giám sát an toàn (đối với các công việc cần có người lãnh đạo và NGSAT).

g. Vi phạm quy định về nghỉ giải lao, nghỉ hết ngày làm việc và bắt đầu ngày tiếp theo.

h. Vi phạm quy định về dừng và tạm dừng làm việc, xử lý khi xảy ra tai nạn, sự cố. Không tổ chức và thực hiện sơ cấp cứu nạn nhân; Không dừng thi công khi thời tiết không đảm bảo hoặc khi có tai nạn, sự cố.

i. Vi phạm quy định (thủ tục) về thay đổi người tham gia thực hiện công tác.

k. Vi phạm quy định (thủ tục) về kết thúc công việc, trao trả nơi làm việc, khóa phiếu và đóng điện.

l. Khi nhận thông tin về tình trạng mất an toàn hiện trường, không kiểm tra lại các tồn tại, không hướng dẫn hoặc bàn bạc với người CHTT (nếu không trong ĐVCT) hoặc nhân viên ĐVCT (nếu là người CHTT) để thực hiện các biện pháp loại trừ để tránh xảy ra TNLD.

m. Tự ý làm việc khi chưa có sự phân công, cho phép của NCHTT, NCP, người quản lý, NSDLĐ hoặc làm việc khi chưa có đầy đủ thủ tục an toàn. Vượt quá phạm vi cho phép và vị trí công tác được giao theo PCT, LCT và theo phân công của NCHTT.

n. Không thực hiện chụp và gửi ảnh lên ECP theo đúng quy định.

o. Các vi phạm liên quan ATLD tại hiện trường khác.

2. Quy trình xem xét xử lý vi phạm trong công tác quản lý ATLD

2.1. Xem xét xử lý vi phạm trường hợp chưa xảy ra TNLD

a. Các Đoàn kiểm tra hiện trường, KTKS ECP tại EVNNPC, đơn vị phát hiện được các lỗi vi phạm sẽ xử lý đối tượng vi phạm theo QTATĐ, QTATTCNH của Tập đoàn, quy định của Tổng công ty/Công ty.

b. Mặc dù chưa xảy ra TNLD (hoặc xảy ra tai nạn nhưng không được công nhận TNLD), nhưng nếu lỗi vi phạm nghiêm trọng, nguy cơ mất an toàn cao, Ban/Phòng An toàn có thể đề xuất lãnh đạo đơn vị xem xét trách nhiệm để có cơ sở xử lý kỷ luật theo như đối với trường hợp để xảy ra TNLD.

c. Tất cả các cá nhân vi phạm các QTAT đều phải học và sát hạch lại quy trình tại cấp Công ty hoặc Tổng công ty theo quy định.

2.2. Xem xét xử lý vi phạm trong trường hợp để xảy ra TNLD:

a. Trách nhiệm, trình tự báo cáo, khai báo, điều tra TNLD:

Khi có TNLD xảy ra:

- Lãnh đạo/Công đoàn đơn vị có trách nhiệm phải báo cáo nhanh ngay (bằng điện thoại, tin nhắn, Zalo...) về Tổng Công ty. Cụ thể:

+ Giám đốc Công ty báo cáo Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc Tổng công ty;
+ Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật, an toàn Công ty báo cáo Phó tổng giám đốc phụ trách KTAT Tổng công ty;

+ Chủ tịch Công đoàn Công ty báo cáo Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty;

+ Trưởng phòng an toàn Công ty báo cáo Trưởng Ban an toàn Tổng công ty;

+ Trưởng Ban an toàn Tổng Công ty báo cáo Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và Phó tổng giám đốc phụ trách KTAT Tổng công ty.

- Khai báo, tổ chức điều tra (hoặc phối hợp điều tra), lập “Biên bản điều tra TNLD”, kết luận và công bố theo đúng quy định pháp luật.

- Ngay sau khi nhận được tin báo cáo TNLD, Ban an toàn làm đầu mối, báo cáo lãnh đạo Tổng công ty tổ chức Đoàn công tác, phối hợp với Công đoàn và các Ban liên quan kiểm tra làm rõ nguyên nhân vụ TNLD.

- Kết thúc kiểm tra, Đoàn công tác của EVNNPC phải tổ chức họp rút kinh nghiệm với đơn vị, lập và thống nhất “Biên bản kiểm tra làm rõ nguyên nhân vụ tai nạn”.

b. Xem xét xử lý vi phạm trong trường hợp chưa đến mức cần xem xét kỷ luật: (đối với các vụ TNLD rủi ro, khách quan)

Thực hiện kiểm điểm, rút kinh nghiệm sau TNLD:

- Sau khi có TNLD, các đơn vị phải tổ chức họp phổ biến vụ TNLD, kiểm điểm, rút kinh nghiệm, quy kết trách nhiệm cá nhân theo các điều khoản trong các QTAT, QTTTCNH, các quy định của EVNNPC về ATLD tại 2 cấp: Điện lực (và tương đương) và Công ty. Kết thúc cuộc họp, lập “Biên bản họp kiểm điểm, rút kinh nghiệm vụ TNLD”, gửi EVNNPC.

- Những người có trách nhiệm trực tiếp, liên đới, liên quan phải làm bản tường trình, trả lời chất vấn của đơn vị, phải học và sát hạch lại QTAT tại đơn vị theo kết luận của Đoàn công tác EVNNPC và “Biên bản họp kiểm điểm, rút kinh nghiệm vụ TNLD” của đơn vị;

- Đối với chức danh lãnh đạo Công ty, Lãnh đạo phòng Công ty, Lãnh đạo Điện lực (và tương đương) và một số đối tượng khác tùy theo mức độ vi phạm sẽ do Tổng công ty chủ trì sát hạch.

- Ban an toàn xây dựng nội dung phân tích vụ tai nạn và báo cáo phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật an toàn để không tổ chức họp kiểm điểm, rút kinh nghiệm vụ TNLD cấp Tổng công ty hoặc tổ chức cuộc họp cấp Tổng công ty nếu cần thiết.

c. Xem xét xử lý vi phạm trong trường hợp cần thi hành kỷ luật:

- Để xảy ra TNLD đến mức cần xem xét, xử lý kỷ luật thì Lãnh đạo đơn vị (Giám đốc, Phó giám đốc Công ty có liên quan) phải làm bản tường trình, gửi về Tổng công ty sau khi có “Biên bản điều tra TNLD” của Đoàn điều tra TNLD địa phương hoặc cơ sở, “Biên bản kiểm tra làm rõ nguyên nhân vụ tai nạn” của Đoàn kiểm tra Tổng công ty để Tổng công ty căn cứ vào trách nhiệm liên quan làm thủ tục xem xét xử lý kỷ luật theo quy định.

- Các đơn vị phải tổ chức họp xem xét, rút kinh nghiệm, đánh giá mức độ vi phạm để xảy ra TNLD, trong đó cần xem xét, xác định rõ vi phạm cũng như trách nhiệm tập thể và từng cá nhân để là cơ sở xem xét kỷ luật theo Nội quy lao động.

- Căn cứ Nội quy lao động, các đơn vị phải thành lập Hội đồng kỷ luật, họp Hội đồng kỷ luật, gửi hồ sơ TNLD cùng với “Biên bản họp xử lý kỷ luật”, đề xuất các hình thức kỷ luật đối với từng cá nhân, tập thể có liên quan theo phân cấp, báo cáo Tổng công ty sau khi có “Biên bản kết luận điều tra TNLD” và “Biên bản kiểm tra làm rõ nguyên nhân” của Đoàn kiểm tra EVNNPC.

- Ban an toàn phân tích vụ TNLD, báo cáo phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật an toàn để tổ chức họp kiểm điểm, rút kinh nghiệm, xem xét trách nhiệm cá nhân vụ TNLD cấp Tổng công ty hoặc không tổ chức cuộc họp cấp Tổng công ty (trong một số trường hợp). Sau đó, gửi phân tích, báo cáo xác định rõ trách nhiệm cá nhân, tập thể theo các điều khoản của Quy trình ATĐ, QTTCNH, các quy định về AT - VSLĐ của EVNNPC gửi Hội đồng Kỷ luật Tổng công ty để tổ chức họp xử lý kỷ luật qua vụ TNLD.

- Căn cứ Nội quy lao động hiện hành của Tổng công ty, Ban TCNS (thường trực Hội đồng Kỷ luật Tổng công ty) phối hợp với Công đoàn và các Ban có liên quan lập báo cáo đề xuất hình thức kỷ luật cá nhân liên quan vụ TNLD để họp Hội đồng Kỷ luật Tổng công ty.

- Hội đồng Kỷ luật Tổng công ty tổ chức họp, kết luận, ra Quyết định kỷ luật hoặc yêu cầu các đơn vị cấp dưới kỷ luật trên cơ sở quy định tại Nội quy lao động của Tổng công ty; Trình tự, thủ tục xem xét xử lý kỷ luật: thực hiện theo Nội quy lao động và Quy chế công tác cán bộ của EVN, Quy định thực hiện công tác cán bộ của Tổng công ty.

3. Trách nhiệm của người lao động (Nhân viên ĐVCT, NTHL, Nhân viên thao tác...)

3.1. Xác định mức độ vi phạm: (theo thứ tự nặng dần)

- a. Không ký tên trong danh sách ĐVCT trong PCT, LCT.
- b. Không tham gia giao ban an toàn hàng tuần tại Tổ, Đội sản xuất, không tham gia họp phổ biến BPAT của ĐVCT trước khi ra hiện trường làm việc và ngay tại hiện trường làm việc theo quy định.
- c. Không sử dụng đúng và đầy đủ các PTBVCN, DCAT được trang bị, cấp phát.
- d. Khi xảy ra tai nạn không cứu chữa người bị nạn.
- e. Không tham gia kiểm tra thực tế tại hiện trường nơi làm việc (vị trí mà mình được phân công) và không hiểu, biết rõ được các BPAT bắt buộc và phù hợp với công việc trước khi tiến hành công việc.
- f. Không từ chối và báo cáo với người CHTT, Tổ trưởng, Đội trưởng sản xuất hoặc lãnh đạo cấp cao hơn những thiếu sót hoặc các nguy cơ gây TNLD hoặc ảnh hưởng xấu tới sức khỏe cá nhân (nếu có).
- g. Vào hiện trường làm việc khi chưa đảm bảo an toàn về điện (như: cắt điện; kiểm tra không còn điện; đặt tiếp đất; đặt rào chắn; treo biển báo, tín hiệu) và an toàn cơ học.
- h. Tự ý đi làm việc khi chưa có sự phân công; Làm việc ngoài phạm vi LCT, PCT; Làm việc không có LCT, PCT, PTT.

3.2. Xác định mức độ xử lý trách nhiệm:

Trên cơ sở đánh giá mức độ vi phạm, hậu quả TNLD (chết người, nặng, nhẹ), thiệt hại tài sản và yếu tố chủ quan trong các hành vi vi phạm, căn cứ vào Nội quy lao động, Tổng công ty sẽ xem xét xử lý trách nhiệm, đề xuất Hội đồng kỷ luật xem xét áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp. Cụ thể như sau:

- a. Cá nhân vi phạm Điểm a, b, c mục 3.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 20, 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Khiển trách” hoặc “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng”.
- b. Cá nhân vi phạm Điểm d, e, f mục 3.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng” hoặc “Cách chức” nếu đang đảm nhiệm các chức danh quản lý.
- c. Cá nhân vi phạm Điểm g, h mục 3.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, 22, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Cách chức” nếu đang đảm nhiệm các chức danh quản lý hoặc “Sa thải”.

4. Xác định trách nhiệm của Người chỉ huy trực tiếp

4.1. Xác định mức độ vi phạm: (theo thứ tự nặng dần)

- a. Không tham gia giao ban an toàn tuần tại Tổ, Đội sản xuất. Không phổ biến nội dung công việc và BPAT theo PATCTC và BPAT, PCT cho nhân viên ĐVCT trước khi làm việc và ngay tại hiện trường làm việc.

b. Không thực hiện đúng quy định trong việc kiểm tra, quản lý DCLV, trang thiết bị, DCAT tại chỗ, để nhân viên trong đơn vị công tác sử dụng các dụng cụ, trang thiết bị không đảm bảo chất lượng.

c. Khi đến làm việc mà không kiểm tra, hướng dẫn, trao đổi với nhân viên ĐVCT các biện pháp, điều kiện an toàn đã đủ và đúng quy định. Cho nhân viên ĐVCT thực hiện công việc khi bản thân người đó không đảm bảo điều kiện sức khỏe, có mùi rượu, bia, chất kích thích mà pháp luật nghiêm cấm.

d. Không hiểu rõ nội dung công việc được giao, các BPAT cho công việc. Nhận nơi làm việc mà không kiểm tra hiện trường, kiểm tra BPAT mà NCP giao, khi NCP chưa ký vào PCT để bàn giao đã phân công nhân viên ĐVCT vào làm việc.

e. Khi nhận thông tin về tình trạng mất an toàn, không kiểm tra lại các tồn tại, không hướng dẫn hoặc bàn bạc với công nhân trong ĐVCT thực hiện các biện pháp loại trừ để tránh xảy ra TNLD.

f. Đối với các nguy cơ mà ĐVCT không tự giải quyết được mà không ngừng ngay công việc và không báo cáo kịp thời với cấp trên.

g. NCHTT không có mặt liên tục tại nơi làm việc (tự ý rời khỏi vị trí công tác); Không bố trí, phân công giám sát (trường hợp phải phân công giám sát an toàn) để cho nhóm công tác tiến hành công việc một cách an toàn.

h. Cho ĐVCT làm việc mà không có PATCTC& BPAT hoặc phương án chưa được phê duyệt của đơn vị đối với công việc yêu cầu phải có phương án; Không có PCT, LCT, PTT; Cho phép ĐVCT làm ngoài phạm vi PCT, LCT...

i. Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các BPKTAT nêu trong với BBKSHT, PATCTC&BPAT, PCT, LCT...đảm bảo điều kiện thực hiện nội dung công việc một cách an toàn.

4.2. Xác định mức độ xử lý trách nhiệm:

Trên cơ sở đánh giá mức độ vi phạm, hậu quả TNLD (chết người, nặng, nhẹ), thiệt hại tài sản và yếu tố chủ quan trong các hành vi vi phạm, căn cứ vào Nội quy lao động, Tổng công ty sẽ xem xét xử lý trách nhiệm, đề xuất Hội đồng kỷ luật xem xét áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp. Cụ thể như sau:

a. Cá nhân vi phạm Điểm a, b, c mục 4.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 20, 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Khiển trách” hoặc “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng”.

b. Cá nhân vi phạm Điểm d, e, f mục 4.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng” hoặc “Cách chức” nếu đang đảm nhiệm các chức danh quản lý.

c. Cá nhân vi phạm Điểm g, h, i mục 4.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, 22, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Cách chức” nếu đang đảm nhiệm các chức danh quản lý hoặc “Sa thải”.

5. Xác định trách nhiệm của Người lãnh đạo công việc

5.1. Xác định mức độ vi phạm: (theo thứ tự nặng dần)

a. Không chỉ đạo phối hợp hoặc phối hợp không tốt hoạt động của các ĐVCT khi công việc do nhiều đơn vị công tác thực hiện theo các PCT để đảm bảo an toàn.

b. Không kiểm tra các BPAT của các ĐVCT khi công việc do nhiều ĐVCT làm việc đồng thời trên diện rộng theo các PCT mà mình là Người LĐCV để đảm bảo an toàn.

5.2. Xác định mức độ xử lý trách nhiệm:

Trên cơ sở đánh giá mức độ vi phạm, hậu quả TNLĐ (chết người, nặng, nhẹ), thiệt hại tài sản và yếu tố chủ quan trong các hành vi vi phạm, căn cứ vào Nội quy lao động, Tổng công ty sẽ xem xét xử lý trách nhiệm, đề xuất Hội đồng kỷ luật xem xét áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp. Cụ thể như sau:

a. Cá nhân vi phạm Điểm a, mục 5.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 20, 21 Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Khiển trách” hoặc “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng”.

b. Cá nhân vi phạm Điểm b, mục 5.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng” hoặc “Cách chức” nếu đang đảm nhiệm các chức danh quản lý hoặc “Sa thải”.

6. Xác định trách nhiệm của Người cho phép

6.1. Xác định mức độ vi phạm: (theo thứ tự nặng dần)

a. Không kiểm tra nhân lực của ĐVCT (đủ và đúng số người đã đăng ký và được phê duyệt trong PATCTC&BPAT, PCT).

b. Không thử (chứng minh) hết điện và chỉ dẫn cho ĐVCT phạm vi được phép làm việc, các thiết bị đã được cắt điện, những phần thiết bị còn điện và các biện pháp đặc biệt chú ý.

c. Không có PATCTC & BPAT hoặc phương án chưa được phê duyệt vẫn cho ĐVCT vào làm việc.

d. Không thực hiện các BPKTAT (nếu được người cấp PCT giao); Không kiểm tra các BPAT của các ĐVQLVH (Điều độ, Trục vận hành...) giao lại để chuẩn bị chỗ làm việc cho ĐVCT theo yêu cầu của Người cấp PCT.

e. Cho phép ĐVCT vào làm việc khi các BPAT thuộc trách nhiệm của đơn vị QLVH nêu trong PATCTC&BPAT và PCT chưa được làm đúng và đủ, chưa đảm bảo điều kiện thực hiện nội dung công việc một cách an toàn.

6.2. Xác định mức độ xử lý trách nhiệm:

Trên cơ sở đánh giá mức độ vi phạm, hậu quả TNLD (chết người, nặng, nhẹ), thiệt hại tài sản và yếu tố chủ quan trong các hành vi vi phạm, căn cứ vào Nội quy lao động, Tổng công ty sẽ xem xét xử lý trách nhiệm, đề xuất Hội đồng kỷ luật xem xét áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp. Cụ thể như sau:

a. Cá nhân vi phạm Điểm a, mục 6.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 20, 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Khiển trách” hoặc “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng”.

b. Cá nhân vi phạm Điểm b, mục 6.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng” hoặc “Cách chức” nếu đang đảm nhiệm các chức danh quản lý.

c. Cá nhân vi phạm Điểm c, d, e, mục 6.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, 22, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Cách chức” nếu đang đảm nhiệm các chức danh quản lý hoặc “Sa thải”.

7. Xác định trách nhiệm của Người giám sát an toàn điện, Người cảnh giới

7.1. Xác định mức độ vi phạm: (theo thứ tự nặng dần)

a. Không nắm vững các quy định và những yêu cầu về an toàn điện tại nơi làm việc để giám sát đơn vị công tác đảm bảo an toàn về điện. Không ký tên vào PCT theo quy định;

b. Không kiểm tra và thực hiện (nếu có) các biện pháp an toàn đã đủ và đúng theo PATCTC & BPAT, PCT đã được phê duyệt.

c. Không có mặt tại nơi làm việc (từ khi người cho phép thực hiện việc cho phép làm việc) để GSAT theo quy định.

7.2. Xác định mức độ xử lý trách nhiệm:

Trên cơ sở đánh giá mức độ vi phạm, hậu quả TNLD (chết người, nặng, nhẹ), thiệt hại tài sản và yếu tố chủ quan trong các hành vi vi phạm, căn cứ vào Nội quy lao động, Tổng công ty sẽ xem xét xử lý trách nhiệm, đề xuất Hội đồng kỷ luật xem xét áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp. Cụ thể như sau:

a. Cá nhân vi phạm Điểm a, mục 7.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 20, 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Khiển trách” hoặc “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng”.

b. Cá nhân vi phạm Điểm b, mục 7.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng” hoặc “Cách chức” nếu đang đảm nhiệm các chức danh quản lý.

c. Cá nhân vi phạm Điểm c, mục 7.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, 22, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Cách chức” nếu đang đảm nhiệm các chức danh quản lý hoặc “Sa thải”.

8. Xác định trách nhiệm của Người cấp PCT, LCT

8.1. Xác định mức độ vi phạm: (theo thứ tự nặng dần)

a. Không cử Người cho phép để thực hiện việc cho phép làm việc tại hiện trường theo quy định.

b. Không ghi và ký cấp PCT, LCT; không giao phiếu cho NCP mà giao cho thành phần khác (Người CHTT, Người LĐCV...); không tiếp nhận lại PCT, LCT; không ký kiểm tra xác nhận khóa PCT, LCT sau khi ĐVCT hoàn thành công việc.

c. Không chỉ dẫn những yêu cầu cụ thể và những yếu tố nguy hiểm về an toàn điện tại nơi làm việc cho Người cho phép để Người cho phép hướng dẫn cho ĐVCT.

d. Cấp PCT sai phạm vi làm việc/ nội dung công việc, sai BPAT và danh sách nhân viên ĐVCT theo PATCTC và BPAT đã được phê duyệt.

e. Không có PATCTC&BPAT được cấp có thẩm quyền phê duyệt vẫn cấp PCT (trong trường hợp công việc bắt buộc phải xây dựng Phương án).

8.2. Xác định mức độ xử lý trách nhiệm:

Trên cơ sở đánh giá mức độ vi phạm, hậu quả TNLĐ (chết người, nặng, nhẹ), thiệt hại tài sản và yếu tố chủ quan trong các hành vi vi phạm, căn cứ vào Nội quy lao động, Tổng công ty sẽ xem xét xử lý trách nhiệm, đề xuất Hội đồng kỷ luật xem xét áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp. Cụ thể như sau:

a. Cá nhân vi phạm Điểm a, mục 8.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 20, 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Khiển trách” hoặc “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng”.

b. Cá nhân vi phạm Điểm b, c, mục 8.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng” hoặc “Cách chức” nếu đang đảm nhiệm các chức danh quản lý.

c. Cá nhân vi phạm Điểm d, e, mục 8.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, 22, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Cách chức” nếu đang đảm nhiệm các chức danh quản lý hoặc “Sa thải”.

9. Xác định trách nhiệm của CBATCT và CBATBCT

9.1. Mức độ vi phạm: (theo thứ tự nặng dần)

a. Không đơn đốc nhắc nhở các Tổ / Đội quản lý tốt hồ sơ, sổ sách về công ATVSLĐ.

b. Không tổ chức (hoặc trực tiếp) kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ theo các Quy định, Quy trình an toàn của EVN và EVNNPC, các quy định pháp luật về ATVSLĐ.

c. Không phổ biến, huấn luyện hoặc phổ biến không kịp thời các QTQP, các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn của cấp trên về công tác ATVSLĐ đến toàn CBCNV trong đơn vị. Không phổ biến, thông báo rút kinh nghiệm sau các vụ TNLĐ.

d. Không thực hiện trách nhiệm về kiến nghị và xử lý về ATLĐ, HLBVATLĐCA, vị trí nguy hiểm trên lưới điện theo quy định. Không đôn đốc khắc phục các tồn tại theo kiến nghị tại biên bản kiểm tra các cấp.

e. Không kiểm tra hoặc đôn đốc kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định các trang thiết bị, dụng cụ an toàn lao động, PCCC, PCTT&TKCN hoặc thử nghiệm, kiểm định không đúng theo quy định.

f. Không thực hiện trách nhiệm về quản lý TBCYCNN về ATLĐ, thiết bị PCCC, các trang thiết bị, DCAT, chìa khóa ngăn tử lộ theo quy định.

g. Không hướng dẫn hoặc hướng dẫn không đầy đủ các biện pháp đảm bảo ATLĐ khi thực hiện công việc theo quy định cho CBCNV trong đơn vị.

h. Khi phát hiện thấy ĐVCT không thực hiện đúng các BPAT, có hành vi vi phạm các quy trình, quy định về an toàn mà không có các biện pháp xử lý kịp thời.

i. Bao che, che dấu các hành vi vi phạm quy phạm, quy trình kỹ thuật an toàn của CBCNV trong đơn vị.

k. Ký thẩm tra, tham gia duyệt PATCTC & BPAT không đúng, đủ nội dung công việc và các biện pháp đảm bảo an toàn lao động.

9.2. Xác định mức độ xử lý trách nhiệm:

Trên cơ sở đánh giá mức độ vi phạm, hậu quả TNLĐ (chết người, nặng, nhẹ), thiệt hại tài sản và yếu tố chủ quan trong các hành vi vi phạm, căn cứ vào Nội quy lao động, Tổng công ty sẽ xem xét xử lý trách nhiệm, đề xuất Hội đồng kỷ luật xem xét áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp. Cụ thể như sau:

a. Cá nhân vi phạm Điểm a, b, c, d, mục 9.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 20, 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Khiển trách” hoặc “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng”.

b. Cá nhân vi phạm Điểm e, f, g, mục 9.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng” hoặc “Cách chức”.

3. Cá nhân vi phạm Điểm h, i, k, mục 9.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, 22, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Cách chức” hoặc “Sa thải”.

10. Xác định trách nhiệm của lãnh đạo, chỉ huy đơn vị trực thuộc Điện lực (và tương đương): Trưởng phòng KHKT, Đội trưởng sản xuất, Trưởng TBA 110 kV, Tổ trưởng tổ thao tác lưu động, Tổ trưởng trực thuộc Điện lực hoặc chức danh tương đương

10.1. Xác định mức độ vi phạm: (theo thứ tự nặng dần)

a. Không tổ chức kiểm điểm, đánh giá công tác KTAT hàng tuần, hàng ngày đầy đủ theo các nội dung quy định.

b. Không phổ biến, huấn luyện cho CBCNV các văn bản liên quan đến công tác AT-VSLĐ, quy trình, quy định của Tập đoàn, Tổng công ty và Công ty. Không tuyên truyền, phổ biến, thông báo rút kinh nghiệm sau các vụ TNLĐ của Tập đoàn, Tổng công ty.

c. Không kiểm tra, giám sát các cá nhân trong đơn vị việc thực hiện các quy trình, quy định, các văn bản chỉ đạo của Nhà nước, ngành và Tổng công ty về công tác ATLĐ. Không kiểm tra ATLĐ hiện trường hoặc kiểm tra không phát hiện được các lỗi vi phạm của cấp dưới.

d. Không thực hiện chức trách về kiến nghị và xử lý các kiến nghị về ATLĐ, HLBVATLĐCA, vị trí nguy hiểm trên lưới điện theo quy định. Không kịp thời giải đáp những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện công tác ATLĐ của CBCNV trong Tổ, Đội. Không đề nghị xử lý đầy đủ và nghiêm túc các sai phạm về công tác AT-VSLĐ theo quy định.

e. Không thực hiện theo chức trách về quản lý TBCYCNN về ATLĐ, các trang thiết bị, DCAT, chìa khóa ngăn tủ lộ theo quy định.

f. Không thực hiện các biện pháp tạm thời để phòng tránh xảy ra TNLĐ đối với các nguy cơ mà Tổ, Đội, đơn vị công tác không tự giải quyết được. Không ghi vào sổ kiến nghị và không báo cáo ngay với cấp trên.

g. Lập (hoặc ký trình duyệt) PATCTC v& BPAT không cụ thể, chi tiết nội dung công việc, không đúng thực tế, không đảm bảo an toàn lao động. Không phổ biến, hướng dẫn ĐVCT các PATCTC và BPAT sau khi được duyệt.

h. Tổ chức triển khai các công việc mà không có PATCTC& BPAT, PCT, LCT, PTT, GBG, hoặc thực hiện không đúng, đủ các BPAT trong PATCTC&BPAT, PCT, LCT theo qui định.

i. Khi xảy ra sự cố, TNLĐ không báo cáo, báo cáo không trung thực, che giấu và làm sai lệch hiện trường. Không điều tra sự cố và tham gia điều tra TNLĐ theo phân cấp.

10.2. Xác định mức độ xử lý trách nhiệm:

Trên cơ sở đánh giá mức độ vi phạm, hậu quả TNLĐ (chết người, nặng, nhẹ), thiệt hại tài sản và yếu tố chủ quan trong các hành vi vi phạm, căn cứ vào Nội quy lao

động, Tổng công ty sẽ xem xét xử lý trách nhiệm, đề xuất Hội đồng kỷ luật xem xét áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp. Cụ thể như sau:

a. Cá nhân vi phạm Điểm a, b, c, d mục 10.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 20, 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Khiển trách” hoặc “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng”.

b. Cá nhân vi phạm Điểm e, f, mục 10.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng” hoặc “Cách chức”.

c. Cá nhân vi phạm Điểm g, h, i, mục 10.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, 22, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Cách chức” hoặc “Sa thải”.

11. Xác định trách nhiệm của những người chỉ huy vận hành (Điều độ viên, Trưởng kíp ĐKX, Trục vận hành):

11.1. Xác định mức độ vi phạm: (theo thứ tự nặng dần)

a. Không kiểm soát chặt chẽ số lượng các ĐVCT đang làm việc trên lưới điện, không treo biển (dấu hiệu) có ĐVCT trên sơ đồ lưới điện theo quy định.

b. Bàn giao lưới điện và các BPAT đã thực hiện cho ĐVQLVH chưa đúng thực tế, không đảm bảo đủ điều kiện an toàn để nhóm thao tác, các ĐVCT thực hiện công việc.

c. Không nắm được sơ đồ kết dây lưới điện, phương thức vận hành... dẫn tới viết (lập) PTT sai. Thao tác sai hoặc ra lệnh đóng điện (hoặc cho phép đóng điện) khi còn ĐVCT đang làm việc trên lưới điện. Ra lệnh đóng/cắt điện mà không có PTT (trừ các trường hợp sự cố, tai nạn).

11.2. Xác định mức độ xử lý trách nhiệm:

Trên cơ sở đánh giá mức độ vi phạm, hậu quả TNLD (chết người, nặng, nhẹ), thiệt hại tài sản và yếu tố chủ quan trong các hành vi vi phạm, căn cứ vào Nội quy lao động, Tổng công ty sẽ xem xét xử lý trách nhiệm, đề xuất Hội đồng kỷ luật xem xét áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp. Cụ thể như sau:

a. Cá nhân vi phạm Điểm a, mục 11.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 20, 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Khiển trách” hoặc “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng”.

b. Cá nhân vi phạm Điểm b, c, mục 11.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, 22 Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Cách chức” nếu đang đảm nhiệm các chức danh quản lý hoặc “Sa thải”.

12. Xác định trách nhiệm của Giám đốc, Phó giám đốc Điện lực hoặc tương đương

12.1. Xác định mức độ vi phạm: (theo thứ tự nặng dần)

a. Không tổ chức lập kế hoạch AT - VSLĐ hoặc lập nhưng không đạt yêu cầu, không tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đã được duyệt.

b. Không thành lập các Hội đồng, Ban Chỉ huy... về công tác AT-VSLĐ theo quy định. Không phân công cụ thể, rõ ràng trách nhiệm về công tác AT-VSLĐ trong Ban lãnh đạo và các bộ phận trong đơn vị mình phụ trách.

c. Không tổ chức kiểm điểm, đánh giá công tác KTAT định kỳ đầy đủ và đảm bảo chất lượng theo quy định. Không họp GBAT, không ra thông báo, không lập lịch tuần theo quy định.

d. Không tổ chức nhận diện môi nguy tại vị trí làm việc và trên lưới điện, quản lý các vị trí nguy hiểm theo quy định; không giải quyết kiến nghị và quản lý các kiến nghị về ATLĐ theo quy định.

e. Không tổ chức kèm cặp, hướng dẫn đối với lao động mới tuyển dụng hoặc mới được chuyển đến làm việc tại cơ sở về nhận diện các môi nguy hiểm, các biện pháp kỹ thuật an toàn trước khi giao việc người lao động. Bố trí người lao động làm việc không đúng nghề đào tạo, chưa được huấn luyện và chưa qua sát hạch kiến thức về AT - VSLĐ.

f. Không trang bị, cấp phát hoặc không đề xuất cấp trên trang bị, cấp phát PTBVVN và DCAT cho người lao động theo đúng quy định. Không tổ chức xây dựng và ban hành quy định, quy trình về sử dụng, bảo quản các PTBVVN, DCAT, chìa khóa ngăn tù lộ, các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ.

g. Không kiểm tra AT-VSLĐ định kỳ và đột xuất hiện trường theo quy định. Kiểm tra không phát hiện hoặc không kịp thời chấn chỉnh các tồn tại trong GBAT hàng ngày; không tổ chức kiểm điểm, đánh giá hàng tuần về công tác ATLĐ của Tổ, Đội sản xuất. Không xử lý đầy đủ và nghiêm túc các sai phạm về công tác ATLĐ theo quy định.

h. Không tổ chức phổ biến, hướng dẫn (huấn luyện) thực hiện các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình, quy định của cấp trên về công tác AT-VSLĐ và QLKT-VH, các thông báo TNLĐ đến các cấp và người lao động trong cơ sở.

i. Không tổ chức huấn luyện lại cho người lao động khi chuyển đổi vị trí công tác; Không tổ chức huấn luyện và hướng dẫn thực hành cho người lao động (trèo cao, cứu hạ, cấp cứu, cách thức sử dụng, bảo quản từng DCAT... ở cơ sở) theo quy định.

k. Ký sơ duyệt PATCTC và BPAT (đề trình Công ty duyệt) hoặc duyệt phương án (của các Tổ, Đội lập) không đúng, đủ nội dung công việc, không đảm bảo các biện pháp an toàn.

l. Chỉ đạo đơn vị thi công làm việc khi không có phương án, PCT, LCT, chỉ đạo thao tác không có PTT...

m. Khi xảy ra sự cố, gây tai nạn không báo cáo, không tổ chức điều tra, phân tích sự cố theo quy định; có hành vi che giấu và làm sai lệch hiện trường. Khi xảy ra tai nạn không tổ chức cứu chữa nạn nhân, không báo cáo theo quy định.

12.2. Xác định mức độ xử lý trách nhiệm:

Trên cơ sở đánh giá mức độ vi phạm, hậu quả TNLĐ (chết người, nặng, nhẹ), thiệt hại tài sản và yếu tố chủ quan trong các hành vi vi phạm, căn cứ vào Nội quy lao động, Tổng công ty sẽ xem xét xử lý trách nhiệm, đề xuất Hội đồng kỷ luật xem xét áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp. Cụ thể như sau:

a. Cá nhân vi phạm từ Điểm a, b, c, mục 12.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 20, 21 Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Khiển trách” hoặc “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng”.

b. Cá nhân vi phạm từ Điểm d, e, f, g, h, i, mục 12.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng” hoặc “Cách chức”.

c. Cá nhân vi phạm Điểm k, l, m, mục 12.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, 22, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Cách chức” hoặc “Sa thải”.

d. Với các hành vi vi phạm, mức độ đề xuất hình thức kỷ luật với Giám đốc ở mức cao hơn phó Giám đốc.

13. Xác định trách nhiệm cá nhân tại các Phòng/Ban chuyên môn Đơn vị

13.1. Xác định mức độ vi phạm: (theo thứ tự nặng dần)

a. Không đề nghị thành lập và phân công nhiệm vụ cho các thành viên các Hội đồng, các Ban chuyên môn trong công tác AT-VSLĐ như: Hội đồng huấn luyện AT-VSLĐ, Hội đồng AT-VSLĐ, Ban chỉ huy PCCN, Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai & tìm kiếm cứu nạn, Ban chỉ đạo giảm thiểu vi phạm HLATLĐCA, Ban chỉ đạo tuần lễ Quốc gia về AT-VSLĐ, PCCN,...

b. Không đề nghị tổ chức sơ kết, tổng kết, kiểm điểm và đánh giá công tác QLKT-VH và AT-VSLĐ định kỳ và đột xuất đầy đủ và thiết thực theo quy định.

c. Không tổ chức phổ biến, chỉ đạo việc triển khai thực hiện, biên soạn hoặc hướng dẫn thực hiện các quy định, quy trình, quy phạm về công tác AT-VSLĐ. Không đề nghị tổ chức huấn luyện và hướng dẫn các quy chuẩn, quy trình, quy định về công tác AT-VSLĐ, BPAT cho người lao động theo quy định. Không thực hiện huấn luyện thực hành cho người lao động theo quy định.

d. Không tổng hợp, xây dựng hoặc chậm trễ thực hiện kế hoạch AT-VSLĐ (theo phân công của Hội đồng AT-VSLĐ) để trang cấp đầy đủ PTBV CN, DCAT cho người lao động và thực hiện các chế độ khác về AT-VSLĐ.

e. Không đề nghị họp kiểm điểm rút kinh nghiệm và báo cáo sau sự cố, TNLĐ; không thực hiện tuyên truyền, phổ biến, thông báo rút kinh nghiệm sau các vụ TNLĐ, sự cố kỹ thuật.

f. Không thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất AT-VSLĐ tại hiện trường làm việc theo quy định. Khi kiểm tra, không phát hiện hoặc không kịp thời chấn chỉnh các sai sót trong AT-VSLĐ và QLKT-VH tại các đơn vị trực thuộc. Không thực hiện việc khắc phục kiến nghị của đoàn kiểm tra cấp trên.

g. Không đề nghị xử lý đầy đủ và nghiêm túc các sai phạm về công tác AT-VSLĐ theo quy định.

h. Không thực hiện theo chức trách: về quản lý HLBVATLĐCA, vị trí nguy hiểm theo quy định, về kiến nghị và xử lý các kiến nghị về ATLĐ theo quy định.

i. Không thực hiện theo chức trách về quản lý, sử dụng và thử nghiệm, kiểm định các TBCYCNN về ATLĐ; trang thiết bị, DCAT theo quy định.

k. Không cử người tham gia khảo sát hiện trường theo quy định (nếu có).

l. Không tổ chức thực hiện hoặc triển khai chậm việc biên soạn, ban hành và tổ chức huấn luyện, kiểm tra định kỳ quy trình vận hành thiết bị, quy trình điều độ hệ thống điện, quy trình thao tác, quy trình xử lý sự cố, sát hạch các chức danh QLVH... theo đúng quy định trong công tác QLKT-VH.

m. Thẩm tra, tham gia duyệt thiết kế, phương án kỹ thuật chưa đúng, chưa phù hợp. Nghiệm thu công trình điện không đúng quy định, còn nhiều tồn tại gây nguy cơ xảy ra sự cố, TNLĐ.

n. Thẩm tra, trình duyệt PATCTC và BPAT (do cơ sở lập) không đúng, đủ nội dung công việc, không đảm bảo an toàn lao động.

o. Không kịp thời cập nhật sơ đồ vận hành lưới điện khi có thay đổi so với thực tế. Không thực hiện lập phương thức vận hành hoặc lập sai. Ký duyệt PTT sai.

p. Không kiểm soát chặt chẽ số lượng các đơn vị công tác đang làm việc trên lưới điện, không treo biển đơn vị công tác trên sơ đồ lưới điện theo quy định.

q. Ra lệnh đóng điện (hoặc cho phép đóng điện) khi còn đơn vị công tác đang làm việc trên lưới điện.

13.2. Xác định mức độ xử lý trách nhiệm:

Trên cơ sở đánh giá mức độ vi phạm, hậu quả TNLĐ (chết người, nặng, nhẹ) và yếu tố chủ quan trong các hành vi vi phạm, căn cứ vào Nội quy lao động, Tổng công ty sẽ xem xét xử lý trách nhiệm, đề xuất Hội đồng kỷ luật xem xét áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp. Cụ thể như sau:

a. Cá nhân vi phạm từ Điểm a, b, c, d, e, f, g, h mục 13.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 20, 21 Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Khiển trách” hoặc “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng”.

b. Cá nhân vi phạm Điểm i, k, l mục 13.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng” hoặc “Cách chức” nếu đang đảm nhiệm các chức danh quản lý.

c. Cá nhân vi phạm Điểm m, n, o, p, q, mục 13.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, 22, Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật “Cách chức” nếu đang đảm nhiệm các chức danh quản lý hoặc “Sa thải”.

14. Xác định trách nhiệm cá nhân của Ban lãnh đạo Đơn vị

14.1. Xác định mức độ vi phạm:

a. Không tổ chức sơ kết, tổng kết, kiểm điểm đánh giá công tác AT-VSLĐ đầy đủ và đảm bảo chất lượng theo quy định.

b. Không tổ chức phổ biến, hướng dẫn, tuyên truyền, huấn luyện (theo các quy định pháp luật) việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định, quy trình, quy phạm về công tác QLKT-VH và AT - VSLĐ.

c. Không (hoặc chậm) thành lập các Hội đồng, Ban chỉ huy như: Hội đồng huấn luyện AT-VSLĐ, Hội đồng AT-VSLĐ, Ban chỉ huy PCCC, Ban chỉ huy PCTT & TKCN, Ban chỉ đạo giảm thiểu vi phạm HLBVATLĐCA, Ban chỉ đạo tuần lễ Quốc Gia về AT-VSLĐ, PCCN,...Không phân công nhiệm vụ cho Ban lãnh đạo, các thành viên Hội đồng, Ban chỉ huy, phòng/ban chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến công tác AT-VSLĐ, không xây dựng kế hoạch cụ thể chi tiết cho các lĩnh vực chuyên môn công tác AT-VSLĐ.

d. Không tổ chức thực hiện kiểm tra AT - VSLĐ, QLKT-VH định kỳ và đột xuất tại hiện trường làm việc theo quy định. Kiểm tra không phát hiện hoặc không kịp thời chấn chỉnh các sai sót của cấp dưới.

e. Không tổ chức thực hiện kiến nghị của đoàn kiểm tra cấp trên. Không xử lý đầy đủ và nghiêm túc các sai phạm của cấp dưới sau kiểm tra AT - VSLĐ, QLKT-VH.

f. Không tổ chức thực hiện theo chức trách: về quản lý và xử lý vi phạm HLBVATLĐCA, các vị trí nguy hiểm theo quy định; về kiến nghị và quản lý các kiến nghị về ATLĐ theo quy định.

g. Không tổ chức phổ biến, chỉ đạo việc triển khai thực hiện, biên soạn, ban hành, phê duyệt các quy định, quy trình liên quan đến ATĐ hoặc ban hành không phù hợp với các quy định của EVN, EVNNPC và Nhà nước. Không tổ chức trang bị, cấp phát đầy đủ PTBVCN, DCAT cho người lao động và thực hiện các chế độ khác về ATLĐ.

h. Không chỉ đạo hoặc chỉ đạo không đúng việc thí nghiệm, kiểm định CCDC an toàn, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ.

i. Duyệt thiết kế kỹ thuật chưa đúng, chưa phù hợp gây nguy cơ xảy ra TNLĐ. Nghiệm thu công trình điện không đúng quy định, còn nhiều tồn tại gây nguy cơ xảy ra sự cố, TNLĐ.

k. Duyệt PATCTC&BPAT không đúng, đủ nội dung công việc, không đảm bảo an toàn lao động.

l. Không báo cáo, khai báo (hoặc báo cáo chậm) sự cố, TNLĐ, chỉ đạo che giấu và làm sai lệch hiện trường tai nạn, sự cố. Không tổ chức họp kiểm điểm rút kinh nghiệm, ra thông báo, xử lý kỷ luật sau sự cố, TNLĐ.

14.2. Xác định mức độ xử lý trách nhiệm:

Trong 01 năm (12 tháng) kể từ vụ TNLĐ gần nhất, cá nhân thuộc ban lãnh đạo Đơn vị vi phạm một trong các Điểm thuộc mục 16.1 dẫn tới TNLĐ, Tổng công ty sẽ xem xét xử lý trách nhiệm, đề xuất Hội đồng kỷ luật xem xét áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp. Cụ thể như sau:

- a. Xảy ra TNLĐ nhẹ: khiển trách
- b. Xảy ra 1 vụ TNLĐ nặng: kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng
- c. Xảy ra 2 vụ TNLĐ nặng hoặc 1 TNLĐ chết người trở lên: không bổ nhiệm lại
- d. Xảy ra 2 vụ TNLĐ chết người trở lên: Cách chức
- e. Với các vi phạm cụ thể, mức độ đề xuất hình thức kỷ luật với Giám đốc ở mức cao hơn phó Giám đốc.

15. Xác định trách nhiệm cá nhân tại các Ban chuyên môn Tổng công ty theo chức năng nhiệm vụ được phân công:

15.1. Xác định mức độ vi phạm: (theo thứ tự nặng dần)

a. Không kịp thời giải đáp, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện công tác AT - VSLĐ của các đơn vị.

b. Không kiểm tra, đôn đốc, chấn chỉnh các Đơn vị trong công tác QLKT-VH và AT - VSLĐ. Không kiểm tra định kỳ và đột xuất, giám sát các đơn vị việc thực hiện các quy trình, quy định, chỉ thị và các văn bản chỉ đạo về công tác AT - VSLĐ. Không xử lý đầy đủ và nghiêm túc các sai phạm về công tác ATLĐ theo quy định.

c. Không tham mưu lãnh đạo Tổng công ty thành lập các hội đồng, ban chỉ đạo... Thực hiện không đầy đủ các nội dung (đã được phân công cho các thành viên Hội đồng, các Ban chỉ đạo...) trong “Kế hoạch AT- VSLĐ” của Tổng công ty hàng năm.

d. Không tham mưu lãnh đạo Tổng công ty đề triển khai phổ biến, hướng dẫn, huấn luyện việc thực hiện các chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, nghị định, thông tư, các quy trình, quy định về AT- VSLĐ, QLKT-VH, đầu tư xây dựng, Kinh doanh (có liên quan đến AT- VSLĐ) của Nhà nước, EVN.

e. Không tham mưu hoặc tham mưu lãnh đạo Tổng công ty triển khai các chỉ đạo liên quan đến công tác AT- VSLĐ, QLKT-VH, huấn luyện trái các quy định của Nhà nước, EVN.

f. Không tổ chức thực hiện các chỉ đạo của lãnh đạo Tổng công ty.

g. Biên soạn, phê duyệt các quy định, quy trình liên quan đến ATLĐ không đúng, không phù hợp với các quy định của Nhà nước, EVN.

h. Thực hiện nghiệm thu đóng điện không đúng quy định, còn nhiều tồn tại gây mất an toàn.

i. Thẩm duyệt, trình ký PATCTC&BPAT không đúng, không đủ nội dung, không đảm bảo an toàn lao động.

15.2. Xác định mức độ xử lý trách nhiệm:

a. Đối với các chuyên viên:

Trên cơ sở kết quả phân tích, điều tra vụ TNLĐ, nếu lỗi vi phạm có liên quan các ban Tổng công ty theo chức năng nhiệm vụ thì tùy mức độ vi phạm, hậu quả TNLĐ (chết người, nặng, nhẹ), thiệt hại về tài sản và Nội quy lao động, Tổng công ty sẽ xem xét xử lý trách nhiệm, đề xuất Hội đồng kỷ luật xem xét áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp. Cụ thể như sau:

- Cá nhân vi phạm từ Điểm a, b, c, d, mục 15.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 20, 21 Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật:

+ Đối với chuyên viên ban An toàn, ban Kỹ thuật: “Khiển trách” hoặc “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng”.

+ Đối với chuyên viên các ban khác: “Khiển trách”

- Cá nhân vi phạm Điểm e, f, g, h, i, mục 15.1: căn cứ các nội dung chi tiết quy định tại Điều 21, 22 Nội quy lao động, đề xuất thực hiện hình thức kỷ luật:

+ Đối với chuyên viên ban An toàn, ban Kỹ thuật: “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng” hoặc “Sa thải”

+ Đối với chuyên viên các ban khác: “Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng”

b. Đối với trưởng ban, phó ban:

Trên cơ sở kết quả phân tích, điều tra vụ TNLĐ, nếu lỗi vi phạm có liên quan các ban Tổng công ty theo chức năng nhiệm vụ, Tổng công ty sẽ xem xét xử lý trách nhiệm đối với lãnh đạo các ban như sau: Trong 01 năm (12 tháng) kể từ vụ TNLĐ gần nhất, trưởng ban/phó ban vi phạm một trong các Điểm thuộc mục 15.1 dẫn tới TNLĐ, đề xuất Hội đồng kỷ luật xem xét áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp. Cụ thể như sau:

- Xảy ra TNLĐ nhẹ: khiển trách

- Xảy ra 1 vụ TNLĐ nặng: kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng

- Xảy ra 2 vụ TNLĐ nặng hoặc 1 TNLĐ chết người trở lên: không bổ nhiệm lại

- Xảy ra 2 vụ TNLĐ chết người trở lên: Cách chức

16. Xác định những trường hợp xử lý đặc biệt

1. Để nâng cao vai trò tự kiểm tra của cơ sở và Đội, tổ sản xuất, Tổng công ty không xét trách nhiệm đối với lãnh đạo, quản lý trong những trường hợp vi phạm mà cơ sở đã tự phát hiện, có ghi nhận trong biên bản GBAT hàng tuần, hàng tháng và có biện pháp xử lý, chấn chỉnh có hiệu quả, đã báo cáo EVNNPC.

2. Cá nhân kiêm nhiều chức danh, chức vụ mà vi phạm nhiều mức độ vi phạm khác nhau trong hướng dẫn này thì Hội đồng kỷ luật Tổng công ty sẽ xem xét quyết định một hình thức kỷ luật cao nhất.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thi hành:

- Hướng dẫn này áp dụng thống nhất trong Tổng công ty Điện lực miền Bắc, các đơn vị áp dụng trực tiếp hướng dẫn này.

- Hướng dẫn này là cơ sở để Tổng công ty Điện lực miền Bắc xem xét xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân trong công tác quản lý an toàn lao động của Tổng công ty Điện lực miền Bắc.

2. Hiệu lực thi hành

- Hướng dẫn này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký quyết định ban hành .

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các đơn vị, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến phản ánh về EVNNPC để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.